

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020
của huyện Ninh Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 21/12/2018 của HĐND huyện Ninh Sơn Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện Ninh Sơn về phân bổ ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện Ninh Sơn về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 21/12/2018 của HĐND huyện Ninh Sơn về việc kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và dự toán thu, chi, tỷ lệ phân định nguồn thu cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 01/TTr-TC-NS ngày 05/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của huyện Ninh Sơn.

Chi tiết theo các biểu từ số 81/CKTC-NSNN đến biểu số 92/CKTC-NSNN đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định thi này. /TW

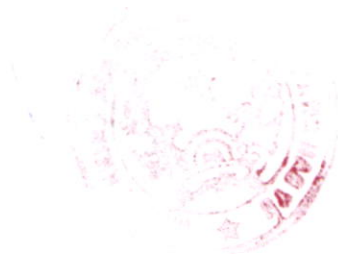
Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Đăng trên trang thông tin điện tử UBND huyện;
- Văn phòng huyện ủy;
- Văn phòng HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể huyện ;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VPUB, TC-KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Đình Vinh



Handwritten text in a non-Latin script, possibly Arabic or Persian, located in the upper right quadrant of the page. The text is faint and difficult to decipher.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN**



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Ninh Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	314.196,97
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	80.900,00
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	30.620,00
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	50.280,00
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	233.296,97
-	Thu bổ sung cân đối	130.359,80
-	Thu bổ sung có mục tiêu	70.550,76
	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	32.386,41
III	Các khoản thu quản lý qua ngân sách	
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	314.196,97
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	264.584,22
1	Chi đầu tư phát triển	34.338,00
2	Chi thường xuyên	225.400,22
3	Dự phòng ngân sách	4.846,00
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	48.312,76
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	24.244,00
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	24.068,76
III	Chi từ nguồn thu để lại qua ngân sách	
IV	Chi từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2020	1.300,00
V	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN

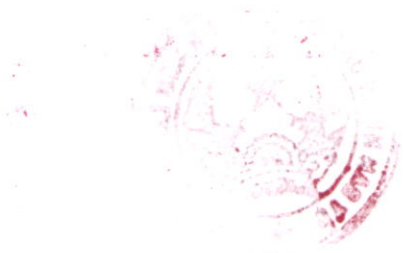
CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ
NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Ninh Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	306.728,97
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	73.432,00
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	233.296,97
-	Thu bổ sung cân đối	130.359,80
-	Thu bổ sung có mục tiêu	70.550,76
-	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	32.386,41
-	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn thừa tại ngân sách huyện	
3	Thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước	
4	Thu kết dư	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	306.728,97
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	281.829,89
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	24.899,08
-	Chi bổ sung cân đối	18.428,24
-	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	4.424,60
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.046,25
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	32.367,08
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	7.468,00
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	24.899,08
-	Thu bổ sung cân đối	18.428,24
-	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	4.424,60
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.046,25
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	32.367,08



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN**

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Ninh Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	82.000	80.900
I	Thu nội địa	82.000	80.900
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	20.700	20.700
	- Thuế giá trị gia tăng	20.700	20.700
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	24.600	24.600
	- Thuế giá trị gia tăng	22.990	22.990
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	600	600
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	90	90
	- Thuế tài nguyên	920	920
	- Thu khác ngoài quốc doanh		
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.900	5.900
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	12.300	12.300
8	Thu phí, lệ phí	2.100	1.800
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.500	1.500
12	Thu tiền sử dụng đất	12.100	12.100
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	2.660	1.860
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	140	140
II	Các khoản thu quản lý qua ngân sách		
II	Thu viện trợ		



Faint, illegible text or markings along the left edge of the page.

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Ninh Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	314.196,97	281.829,89	32.367,08
A	Chi cân đối ngân sách huyện	264.584,22	234.263,38	30.320,84
I	Chi đầu tư phát triển	34.338,00	34.338,00	0,00
1	Chi đầu tư cho các dự án	34.338,00	34.338,00	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	0,00		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0,00		
-	Chi khoa học và công nghệ	0,00		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	0,00		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	12.100,00	12.100,00	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0,00		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0,00		
II	Chi thường xuyên	225.400,22	195.684,26	29.715,96
	Trong đó:	0,00		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	146.164,16	146.164,16	
2	Chi khoa học và công nghệ	0,00		
III	Dự phòng ngân sách	4.846,00	4.241,12	604,88
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0,00		
B	Chi các chương trình mục tiêu	48.312,76	46.266,51	2.046,25
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	24.244,00	24.244,00	
1	Chương trình giảm nghèo bền vững	5.344,00	5.344,00	
2	Chương trình nông thôn mới	18.900,00	18.900,00	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	24.068,76	22.022,51	2.046,25
1	Kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	1.200,00	1.200,00	
2	Kinh phí ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi	129,00	129,00	



STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
3	Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo	2.030,00	2.030,00	
4	Kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ	2.661,00	2.661,00	
5	KP thực hiện BHYT cho đối tượng tham gia kháng chiến	86,00	86,00	
6	Kinh phí học sinh khuyết tật	54,00	54,00	
7	Kinh phí thường xuyên cho đối tượng Nghị định 136/2013/NĐ-CP	2.450,00	2.450,00	
8	Kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông	116,91	116,91	
9	Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy năm 2020	80,00	80,00	
10	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo NĐ 35/2015/NĐ-CP	88,00	88,00	
11	Kinh phí chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020	193,00	193,00	
12	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ khác	14.980,85	12.934,60	2.046,25
C	Chi từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2020	1.300,00	1.300,00	
D	Chi từ nguồn thu để lại qua ngân sách			
E	Chi chuyển nguồn sang năm sau			



1911
1912
1913
1914
1915
1916
1917
1918
1919
1920
1921
1922
1923
1924
1925
1926
1927
1928
1929
1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937
1938
1939
1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025

